

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Navjord Tom H Sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người phiên dịch của ông Navjord Tom H: Bà Bùi Hoàng Thùy D.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị H Sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 13/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Navjord Tom H trình bày:

Ông Navjord Tom H và bà Đào Thị H chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 3268, Quyền số 13 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009. Việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 5/2019 đến nay, do yêu cầu công việc, ông Navjord Tom H ra Nha Trang - Khánh Hòa làm việc, bà H vẫn ở tại căn hộ trên.

Sau một thời gian chung sống, bà H tỏ ra ghen tuông vô lý và tìm mọi cách để kiểm soát việc giao thiệp bạn bè của ông. Việc này đã kéo dài nhiều năm trong suốt thời gian chung sống ở căn hộ C1-0807, tòa nhà Tropic Garden, Quận 2. Khi ông Navjord Tom H ra Nha Trang - Khánh Hòa làm việc, bà H đã thuê người để theo dõi hành tung của ông Navjord Tom H, quay phim và chụp hình ông cùng với các đồng nghiệp, nhân viên cấp dưới mà bà H nghi ngờ ông Navjord Tom H có quan hệ ngoài hôn nhân với họ. Giữ chức vụ Giám đốc phát triển kinh doanh, ông phải gặp gỡ, làm việc với nhiều khách hàng, đối tác và đồng nghiệp, cả nam và nữ. Bà H không chịu hiểu điều này mà cứ luôn giận dữ, cáo buộc ông Navjord Tom H có quan hệ ngoài hôn nhân, liên tục gọi điện thoại để kiểm tra ông vào cuối tuần, theo dõi nhân viên cấp dưới của ông, tạo tài khoản facebook giả cho rằng nhân viên của ông phá hoại gia đình, nhục mạ, chửi bới, thậm chí còn đe dọa sẽ tạt axit. Những hành vi ghen tuông và kiểm soát của bà H đã kéo dài suốt 7 năm, gây ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần và quan hệ xã hội của ông Navjord Tom H.

Trong quá trình chung sống, ông Navjord Tom H và bà H có nhiều mâu thuẫn trầm trọng về quan điểm sống và cách sống. Ông đã cố gắng chịu đựng và tìm cách giải quyết những mâu thuẫn đó trong suốt một thời gian dài nhưng không có kết quả. Ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân với bà H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Navjord Arabella Đ, sinh ngày 22/11/2010. Ông Navjord Tom H đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng số tiền 3.600.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Đào Thị H trình bày:

Bà H thống nhất với lời khai của ông Navjord Tom H về thời điểm chung sống và thông tin đăng ký kết hôn.

Giống như những cặp vợ chồng khác, bà H và ông Navjord Tom H cũng có những mâu thuẫn nhưng đã giải quyết và hàn gắn. Tuy nhiên, vì muốn con có cả cha mẹ và có thể phát triển đầy đủ, tốt nhất nên bà H không đồng ý ly hôn.

Ngoài ra, thời gian ông Navjord Tom H đi công tác ở Nha Trang đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà H có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc này. Tuy nhiên, bà H vẫn chấp nhận vì con và muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông Navjord Tom H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H; đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.600.000 đồng/tháng.

Do không thể hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng nên bà H đồng ý ly hôn với ông Navjord Tom H. Bà H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trên thực tế bà H vẫn biết ông Navjord Tom H không có việc làm từ tháng 11/2019 đến nay và bà vẫn phải chu cấp tiền sinh hoạt nhưng bà yêu cầu ông Navjord Tom H cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng để sau này khi có việc làm và thu nhập ổn định, ông Navjord Tom H phải có trách nhiệm đối với con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Navjord Tom H và bà Đào Thị H ; chấp nhận thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn đưa ra là 3.600.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Navjord Tom H yêu cầu ly hôn với bà Đào Thị H nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn là bà Đào Thị H có nơi cư trú Quận 2 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Navjord Tom H và bị đơn bà Đào Thị H có mặt; ông Navjord Tom H là người nước ngoài, không sử dụng được tiếng Việt nhưng đã có yêu cầu bà Bùi Hoàng Thùy D là người phiên dịch. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông Navjord Tom H và bị đơn bà Đào Thị H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 3268, quyển số 13 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Navjord Tom H và bị đơn bà H là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ lời khai, lời trình bày của ông Navjord Tom H thì quan hệ hôn nhân giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bên cạnh đó, bà H thường xuyên ghen tuông vô cớ, kiểm soát các mối quan hệ xã hội gây ảnh hưởng đến tinh thần và công việc của ông. Ông Navjord Tom H xác định không còn tình cảm với bà H, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng ông Navjord Tom H đã có quan hệ bất chính với đồng nghiệp và có những hành vi uy hiếp, đe dọa tinh thần, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, cuộc sống và công việc của bà H nên bà đã có đơn tố cáo ông Navjord Tom H đến cơ quan công an. Điều này cho thấy bà H và ông Navjord Tom H đã không còn sự tin tưởng vào tình yêu của nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng. Tại phiên tòa, bà H đã đồng ý ly hôn với ông Navjord Tom H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Navjord Tom H và bà Đào Thị H.

[3.2] Về con chung: Ông Navjord Tom H và bà H xác định trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Navjord Arabella Đ, sinh ngày 22/11/2010. Do con chung là con gái, hiện đang sống cùng với bà H, hơn nữa ông Navjord Tom H là người nước ngoài nên việc ông Navjord Tom H và bà H thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Navjord Tom H đề xuất mức cấp dưỡng nuôi con là 3.600.000 đồng/tháng vì ông đã bị mất vị trí, công việc tại công ty cũ và mới bắt đầu làm việc tại công ty khác, thu nhập không cao. Do đó, hiện tại ông không đủ khả năng để cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng/tháng như bà H yêu cầu. Xét thấy, số tiền cấp dưỡng ông Navjord Tom H đưa ra bằng với mức giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc khi tính thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật và phù hợp với thu nhập, khả năng tài chính hiện tại của ông Navjord Tom H. Do đó, có cơ sở chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 3.600.000 đồng/tháng.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Navjord Tom H và bà Đào Thị H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Navjord Tom H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Navjord Tom H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Navjord Tom H và bà Đào Thị H .

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Navjord Arabella Đ, sinh ngày 22/11/2010 cho bà Đào Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Navjord Tom H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.600.000 (ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Đào Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Navjord Tom H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng ông Navjord Tom H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Navjord Tom H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Navjord Tom H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027136 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Navjord Tom H phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Đào Thị H phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà H chưa nộp án phí. Ông Navjord Tom H phải nộp thêm số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi